

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2011	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được soát xét cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000344 ngày 23 tháng 03 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 08 tháng 04 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 đồng.

Đến thời điểm 30/06/2011, Công ty có đầu tư vào 6 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở), bánh kẹo, rượu, bia, đồ uống (không sản xuất tại trụ sở); chế biến lâm sản (trừ chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất, gia công hàng may mặc, da và giả da, giày dép (trừ: tẩy nhuộm hồ in, thuộc da, tái chế phế thải và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).
- Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Dịch vụ: billard, giải khát (không kinh doanh dịch vụ billard và giải khát tại trụ sở), giặt ủi cao cấp, cầm đồ, sửa chữa điện gia dụng-điện tử hàng hải. Cho thuê nhà trọ (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán và bảo hành hàng kim khí điện máy. Mua bán điện gia dụng, các loại thiết bị-linh kiện điện, điện tử hàng hải, vải sợi, quần áo may sẵn. Trồng rừng. Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng. San lấp mặt bằng.
- Đầu tư xây dựng các khu thương mại, siêu thị, các loại nhà ở phục vụ nhu cầu của nhân dân ở thành phố và đô thị. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Mua bán vàng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Cho thuê bến bãi. Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa phế thải, sản xuất gốm sứ, thủy tinh tại trụ sở). Sản xuất, gia công các loại bao bì (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa, kim loại, giấy phế thải tại trụ sở). In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị viễn thông, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Mua bán gas (không kinh doanh tại trụ sở) và bếp gas. Cho thuê kho. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Giáo dục mầm non. Kinh doanh bất động sản.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Thi	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Văn Trường	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Văn Lộc	Thành viên HĐQT
Ông Lê Văn Nam	Thành viên HĐQT
Ông Đinh Lê Chiến	Thành viên HĐQT
Bà Võ Thị Vân Anh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Đức	Thành viên HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Hữu Mên	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Trần Minh Đạt	Thành viên Ban Kiểm soát

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Ngô Văn Lộc	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Tập đoàn.

(Phần tiếp theo ở trang 03)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ VĂN LỘC

Y
C
A
I

Số: 12.112/BCSXHN-2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 5 đến trang 30 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2011



TẠNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỖ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		252.879.537.507	296.738.674.698
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	31.387.259.037	32.668.833.687
1. Tiền	111		2.060.759.037	6.011.693.883
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.326.500.000	26.657.139.804
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	9.350.000.000	25.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9.350.000.000	25.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	65.424.544.499	83.474.182.613
1. Phải thu khách hàng	131		56.506.223.605	79.357.295.047
2. Trả trước cho người bán	132		6.090.156.715	4.213.672.691
3. Phải thu nội bộ	133		20.091.756	20.091.756
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		5.072.665.929	2.147.716.625
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.264.593.506)	(2.264.593.506)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	144.647.798.070	153.852.207.082
1. Hàng tồn kho	141		146.901.373.222	157.691.323.117
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.253.575.152)	(3.839.116.035)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.069.935.901	1.743.451.316
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		510.521.003	428.544.170
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		469.027.026	520.453.293
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	512.190.896	33.841.853
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	578.196.976	760.612.000

(Phần tiếp theo ở trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		142.425.977.486	134.424.939.932
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		20.799.928.884	20.692.911.938
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	20.622.618.317	20.570.477.848
+ Nguyên giá	222		26.983.062.116	26.586.734.615
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.360.443.799)	(6.016.256.767)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	81.249.997	39.125.000
+ Nguyên giá	228		325.821.000	270.821.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(244.571.003)	(231.696.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		96.060.570	83.309.090
III. Bất động sản đầu tư	240	5.9	31.670.489.519	32.527.495.163
+ Nguyên giá	241		54.483.792.858	54.483.792.858
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(22.813.303.339)	(21.956.297.695)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		86.184.865.028	78.216.374.028
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	100.636.771.694	90.057.840.694
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(14.451.906.666)	(11.841.466.666)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.770.694.055	2.988.158.803
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.415.342.317	1.627.739.842
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.9	1.355.351.738	1.360.418.961
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		395.305.514.993	431.163.614.630

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		98.921.384.513	124.980.310.376
I. Nợ ngắn hạn	310		95.563.013.902	110.898.367.546
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	500.000.000	10.500.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.12	1.118.833.639	864.015.619
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	10.273.083.100	13.900.971.384
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	3.225.175.976	12.102.976.817
5. Phải trả người lao động	315	5.14	649.928.132	-
6. Chi phí phải trả	316	5.15	3.098.900.000	3.039.255.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	67.443.574.893	62.764.559.832
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.17	9.253.518.162	7.726.588.894
II. Nợ dài hạn	330		3.358.370.611	14.081.942.830
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.18	3.209.674.614	3.812.998.140
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		29.105.024	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		119.590.973	10.268.944.690
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.19	284.467.831.636	294.397.256.624
I. Vốn chủ sở hữu	410		284.467.831.636	294.397.256.624
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		141.203.090.000	141.203.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		95.682.643.118	95.682.643.118
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(4.039.919.808)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.309.700.919	12.702.262.153
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		19.188.308.768	14.655.655.264
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		15.124.008.639	30.153.606.089
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG THIỂU SỐ	439	5.20	11.916.298.843	11.786.047.630
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		395.305.514.993	431.163.614.630

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		101.007.133	73.070.133
4. Nợ khó đòi đã xử lý		629.702.728	629.702.728
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		71.159,83	70.378,20
+ EUR		-	-
+ SGD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2011



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	69.414.818.426	42.758.798.355
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	14.138.493.000	1.187.105.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	55.276.325.426	41.571.693.355
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	35.318.357.123	15.216.649.068
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.957.968.303	26.355.044.287
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.051.654.187	5.352.561.027
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.722.043.026	2.265.624.700
trong đó, chi phí lãi vay	23		71.712.332	111.187.483
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	777.724.632	568.357.919
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	5.851.776.019	6.282.355.462
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.658.078.813	22.591.267.233
11. Thu nhập khác	31	6.7	2.746.110.973	3.480.632.191
12. Chi phí khác	32	6.8	1.728.047.687	2.944.738.427
13. Lợi nhuận khác	40		1.018.063.286	535.893.764
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		15.676.142.099	23.127.160.997
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		3.873.588.959	5.787.478.536
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.9	5.067.222	9.723.204
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		11.797.485.918	17.329.959.257
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		240.513.879	67.773.876
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		11.556.972.039	17.262.185.381
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.19	824	1.223

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2011



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng cung cấp DV & doanh thu khác	01		74.548.705.542	36.875.341.718
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa DV	02		(29.131.815.649)	(21.189.172.177)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.093.033.316)	(6.778.120.584)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(66.913.721)	(59.829.246)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(10.269.201.531)	(8.393.420.203)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.571.713.029	8.889.530.090
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.527.727.786)	(21.137.782.229)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		16.031.726.568	(11.793.452.631)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(345.794.627)	(715.870.408)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		237.814.500	11.425.909.649
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(13.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		29.000.000.000	47.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.581.431.000)	(59.804.268.664)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.400.073.000
7. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.036.338.717	3.923.170.428
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.846.927.590	3.229.014.005

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	2.940.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(4.039.919.808)	-
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		11.100.000.000	5.330.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20.100.000.000)	(9.707.470.379)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.120.309.000)	(16.938.370.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40		(27.160.228.808)	(18.375.841.179)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.281.574.650)	(26.940.279.805)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32.668.833.687	85.317.739.251
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		31.387.259.037	58.377.459.446

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2011



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000344 ngày 23 tháng 03 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 08 tháng 04 năm 2010.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 360A Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 6 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở), bánh kẹo, rượu, bia, đồ uống (không sản xuất tại trụ sở); chế biến lâm sản (trừ chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất, gia công hàng may mặc, da và giả da, giày dép (trừ: tẩy nhuộm hồ in, thuộc da, tái chế phế thải và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).
- Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Dịch vụ: billard, giải khát (không kinh doanh dịch vụ billard và giải khát tại trụ sở), giặt ủi cao cấp, cầm đồ, sửa chữa điện gia dụng-điện tử hàng hải. Cho thuê nhà trọ (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán và bảo hành hàng kim khí điện máy. Mua bán điện gia dụng, các loại thiết bị-linh kiện điện, điện tử hàng hải, vải sợi, quần áo may sẵn. Trồng rừng. Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng. San lấp mặt bằng.
- Đầu tư xây dựng các khu thương mại, siêu thị, các loại nhà ở phục vụ nhu cầu của nhân dân ở thành phố và đô thị. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Mua bán vàng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Cho thuê bến bãi. Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa phế thải, sản xuất gốm sứ, thủy tinh tại trụ sở). Sản xuất, gia công các loại bao bì (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa, kim loại, giấy phế thải tại trụ sở). In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị viễn thông, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Mua bán gas (không kinh doanh tại trụ sở) và bếp gas. Cho thuê kho. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Giáo dục mầm non. Kinh doanh bất động sản.

(Phần tiếp theo ở trang 13)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1.	Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội	360D Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Khánh Hội	360A Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	100%	100%
3.	Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Khánh Hội Căn Nhà Mơ Ước	360D Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	55%	55%
4.	Công ty TNHH DV Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội	56 Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	51%	51%
5.	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Quản Lý Cao Ốc Khánh Hội	360B Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	100%	100%
6.	Công ty CP Dịch vụ Thương Mại Khánh Hội	72 – 74 Nguyễn Tất Thành, P12, Quận 4, Tp. HCM	55%	55%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 3 năm.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối giai đoạn tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
+ Máy móc và thiết bị	4 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 6 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
+ Phần mềm máy vi tính	4 – 8 năm

4.7 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

4.8 Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối giai đoạn tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

khoản được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.10 Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.11 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo điều lệ Công ty.

4.12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.13 Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.
- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	637.035.933	809.243.629
Tiền gửi ngân hàng	1.423.723.104	5.202.450.254
Các khoản tương đương tiền	29.326.500.000	26.657.139.804
Tổng cộng	31.387.259.037	32.668.833.687

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cho vay ngắn hạn	1.650.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	7.700.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng	9.350.000.000	25.000.000.000

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	56.506.223.605	79.357.295.047
Trả trước cho người bán	6.090.156.715	4.213.672.691
Phải thu nội bộ ngắn hạn	20.091.756	20.091.756
Các khoản phải thu khác	5.072.665.929	2.147.716.625
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	67.689.138.005	85.738.776.119
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.264.593.506)	(2.264.593.506)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	65.424.544.499	83.474.182.613

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu hoạt động bán căn hộ chung cư KH2	3.757.372.124	9.729.650.305
Phải thu hoạt động bán căn hộ chung cư KH3	21.148.557.940	37.259.685.205
Phải thu về cho thuê mặt bằng và điện nước chi hộ	7.149.664.617	8.288.988.944
Phải thu hoạt động bán văn phòng	20.438.813.522	20.716.408.122
Phải thu tiền hàng gổ	1.429.243.639	1.429.243.639
Phải thu hoạt động kinh doanh dịch vụ	2.582.571.763	274.564.418
Phải thu khác	-	1.658.754.414
Cộng	56.506.223.605	79.357.295.047

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu cổ tức từ đầu tư dài hạn	-	78.495.215
Phải thu lãi tiền gửi kỳ hạn ngân hàng	310.705.263	772.746.158
Phải thu tiền phí sử dụng vốn đầu tư	607.458.606	149.466.227
Phải thu cho vay	500.000.000	-
Phải thu khác	3.654.502.060	1.147.009.025
Cộng	5.072.665.929	2.147.716.625

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	137.612.454.774	146.836.933.361
Thành phẩm	422.696.075	422.696.074
Hàng hóa	2.765.666.397	7.435.495.682
Hàng hóa bất động sản	6.100.555.976	2.996.198.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	146.901.373.222	157.691.323.117
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.253.575.152)	(3.839.116.035)
Giá trị thuần có thể thực hiện	144.647.798.070	153.852.207.082

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho khoản giảm giá mặt hàng gỗ tồn kho lâu năm, chậm luân chuyển.

5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế xuất nhập khẩu	33.841.853	33.841.853
Thuế đất	478.349.043	-
Số dư cuối kỳ	512.190.896	33.841.853

5.6. Tài sản ngắn hạn khác

Đây là khoản tạm ứng của cán bộ công nhân viên.

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	20.188.516.942	1.730.277.749	2.570.098.140	1.264.111.678	833.730.106	26.586.734.615
Mua trong kỳ	-	61.890.909	25.200.000	250.729.521	13.160.000	350.980.430
Đầu tư XDCB hoàn thành	574.431.740	-	-	-	-	574.431.740
Thanh lý, nhượng bán	-	(413.509.004)	(88.447.537)	(27.128.128)	-	(529.084.669)
Số dư cuối kỳ	20.762.948.682	1.378.659.654	2.506.850.603	1.487.713.071	846.890.106	26.983.062.116
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	3.141.198.572	1.374.425.198	596.793.223	408.257.784	495.581.990	6.016.256.767
Khấu hao trong kỳ	313.327.572	67.744.846	140.019.792	195.563.703	10.979.550	727.635.463
Thanh lý, nhượng bán	-	(281.436.834)	(88.447.537)	(13.564.060)	-	(383.448.431)
Số dư cuối kỳ	3.454.526.144	1.160.733.210	648.365.478	590.257.427	506.561.540	6.360.443.799
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	17.047.318.370	355.852.551	1.973.304.917	855.853.894	338.148.116	20.570.477.848
Tại ngày cuối kỳ	17.308.422.538	217.926.444	1.858.485.125	897.455.644	340.328.566	20.622.618.317

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.434.535.108 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	270.821.000
Mua trong kỳ	55.000.000
Số dư cuối kỳ	325.821.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	231.696.000
Khấu hao trong kỳ	12.875.003
Số dư cuối kỳ	244.571.003
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	39.125.000
Tại ngày cuối kỳ	81.249.997

5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.230.856.000	34.447.945.497	15.804.991.361	54.483.792.858
Số dư cuối kỳ	4.230.856.000	34.447.945.497	15.804.991.361	54.483.792.858
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	433.368.924	20.809.069.114	713.859.657	21.956.297.695
Khấu hao trong kỳ	-	800.952.578	56.053.066	857.005.644
Số dư cuối kỳ	433.368.924	21.610.021.692	769.912.723	22.813.303.339
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	3.797.487.076	13.638.876.383	15.091.131.704	32.527.495.163
Tại ngày cuối kỳ	3.797.487.076	12.837.923.805	15.035.078.638	31.670.489.519

5.10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	40.909.866.666	38.712.366.666
Đầu tư trái phiếu	337.500.000	337.500.000
Đầu tư dài hạn khác	59.389.405.028	51.007.974.028
Cộng	100.636.771.694	90.057.840.694

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đầu tư cổ phiếu tăng là do trong kỳ Công ty đầu tư thêm 99.750 cổ phiếu Công ty CP TMDV Lâu Đài Ven Sông, tương ứng 997.500.000 đồng và đầu tư vào Công ty CP DV Ôtô Bến Thành 1.200.000.000 đồng.

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Dự án đầu tư Trung tâm TM-DV và Căn hộ - TITCO PLAZA	1.750.000.000	1.450.000.000
Dự án Xuân Thới Đông Hóc Môn	38.115.480.568	30.034.049.568
Dự án Chung cư Khánh Hội 3	19.523.924.460	19.523.924.460
Tổng cộng	59.389.405.028	51.007.974.028

5.11. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	-	10.000.000.000
Vay cá nhân	500.000.000	500.000.000
Tổng cộng	500.000.000	10.500.000.000

Vay đối tượng khác là khoản vay Công đoàn Công ty mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, được bảo đảm dưới hình thức tín chấp, chịu lãi suất 13%/năm đối với VND.

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	1.118.833.639	864.015.619
Người mua trả tiền trước	10.273.083.100	13.900.971.384
Tổng cộng	11.391.916.739	14.764.987.003

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	741.321.306	2.574.706.945
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh	2.448.610.108	8.524.552.725
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển QSDĐ	-	116.865.054
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính (2% doanh thu nhận trước)	-	202.804.812
Thuế thu nhập cá nhân	35.244.562	61.754.856
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	622.292.425
Tổng cộng	3.225.175.976	12.102.976.817

5.14. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 6 năm 2011 còn phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí hỗ trợ bồi thường tái định cư	3.000.000.000	3.000.000.000
Chi phí phải trả khác	98.900.000	39.255.000
Tổng cộng	3.098.900.000	3.039.255.000

5.16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	36.064.461	26.541.143
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	71.817.962	15.898.426
Bảo hiểm thất nghiệp	58.609.765	589.176
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	52.150.000	5.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	67.224.932.705	62.716.031.087
Tổng cộng	67.443.574.893	62.764.559.832

Các khoản phải trả, phải nộp khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền nhận góp vốn dự án cao ốc 56 Bến Vân Đồn	51.968.039.922	48.808.999.142
Tiền nhận góp vốn dự án Chung cư Khánh Hội 4	6.809.925.000	6.809.925.000
Thu 2% bảo trì căn hộ	6.919.669.287	6.129.281.855
Tiền căn hộ CCKH3 trả lại khách hàng	600.000.000	-
Phải trả khác	927.298.496	967.825.090
Tổng cộng	67.224.932.705	62.716.031.087

5.17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này
Số dư đầu năm	7.726.588.894
Trích lập trong kỳ	3.237.551.138
Tăng khác	29.425.152
Sử dụng trong kỳ	(1.740.047.022)
Số dư cuối kỳ	9.253.518.162

5.18. Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận đặt cọc thuê mặt bằng Chung cư Khánh Hội	3.134.607.014	3.812.998.140
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn khác	75.067.600	-
Tổng cộng	3.209.674.614	3.812.998.140

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.19. Vốn chủ sở hữu

5.19.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	141.203.090.000	95.682.643.118	-	16.046.130.323	27.969.163.769	280.901.027.210
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	45.326.535.047	45.326.535.047
Tăng khác	-	-	-	-	1.745.615.174	1.745.615.174
Trích quỹ	-	-	-	11.885.331.465	(17.590.290.567)	(5.704.959.102)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(21.180.463.500)	(21.180.463.500)
Giảm khác	-	-	-	(573.544.371)	(6.116.953.834)	(6.690.498.205)
Số dư đầu năm nay	141.203.090.000	95.682.643.118	-	27.357.917.417	30.153.606.089	294.397.256.624
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(4.039.919.808)	-	-	(4.039.919.808)
Trích lập quỹ	-	-	-	9.169.592.270	(12.407.143.408)	(3.237.551.138)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	11.556.972.039	11.556.972.039
Chia cổ tức	-	-	-	(29.500.000)	(59.117.081)	(88.617.081)
Giảm khác	-	-	-	-	(14.120.309.000)	(14.120.309.000)
Số dư cuối kỳ	141.203.090.000	95.682.643.118	(4.039.919.808)	36.498.009.687	15.124.008.639	284.467.831.637

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.19.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ phần Nhà Nước	35.282.870.000	35.282.870.000
Vốn góp của các đối tượng khác	105.920.220.000	105.920.220.000
Tổng cộng	141.203.090.000	141.203.090.000

5.19.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	14.120.309	14.120.309
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	14.120.309	14.120.309
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(402.750)	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	13.717.559	14.120.309
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.19.4. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi/(Lỗ) hợp nhất sau thuế của cổ đông công ty mẹ	11.556.972.039	17.262.185.381
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	14.020.407	14.120.309
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	824	1.223

5.19.5. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	30.153.606.089	27.969.163.769
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	11.556.972.039	17.262.185.381
Tăng khác	-	1.746.440.174
Trích lập Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	(9.169.592.270)	(11.885.331.465)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.237.551.138)	(5.704.959.102)
Chia cổ tức	(14.120.309.000)	(7.060.154.500)
Giảm khác	(59.117.081)	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	15.124.008.639	22.327.344.257

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.20. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	11.786.047.630	4.026.589.360
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	(8.910.840)	2.940.000.000
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	-	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	249.424.719	67.773.876
Phản trích quỹ phân bổ cho cổ đông thiểu số	(19.931.153)	
Cổ tức chi trả cho cổ đông thiểu số	(44.822.785)	-
Giảm khác	(45.508.728)	
Số dư cuối năm	11.916.298.843	7.034.363.236

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	43.086.262.375	29.377.891.410
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.708.691.599	3.239.582.621
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	12.102.067.838	8.810.258.324
Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	8.517.796.614	1.331.066.000
Hàng bán bị trả lại	(14.138.493.000)	(1.187.105.000)
Doanh thu thuần	55.276.325.426	41.571.693.355

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	26.790.354.879	10.100.734.849
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.202.572.904	2.377.774.206
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	1.873.998.456	1.750.199.748
Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất	8.490.006.551	987.940.265
Giá vốn hàng bán bị trả lại	(6.038.575.667)	-
Tổng cộng	35.318.357.123	15.216.649.068

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.294.114.246	4.072.418.450
Lãi bán hàng trả chậm	95.835.941	592.821.624
Cổ tức, lợi nhuận được chia	627.954.000	258.486.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	428.834.153
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	33.750.000	-
Tổng cộng	4.051.654.187	5.352.561.027

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	71.712.332	111.187.483
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	38.878.310	6.010.096
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.610.440.000	1.636.266.667
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.012.384	512.160.454
Tổng cộng	2.722.043.026	2.265.624.700

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này
Chi phí nhân viên bán hàng	139.453.307
Chi phí vật liệu, bao bì	3.338.859
Chi phí dịch vụ mua ngoài	609.322.555
Chi phí khác	25.609.911
Tổng cộng	777.724.632

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này
Chi phí nhân viên quản lý	2.904.859.365
Chi phí đồ dùng văn phòng	182.197.257
Chi phí khấu hao tài sản cố định	261.752.144
Thuế, phí và lệ phí	160.450.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	672.564.710
Chi phí khác	1.669.951.619
Tổng cộng	5.851.776.019

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ, phế liệu	252.321.562	1.410.481.090
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	420.000.000	19.247.873
Thu nhập khác	2.073.789.411	2.050.903.228
Tổng cộng	2.746.110.973	3.480.632.191

6.8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thanh lý tài sản cố định	145.636.238	847.675.482
Chi phí khác	1.582.411.449	2.097.062.945
Tổng cộng	1.728.047.687	2.944.738.427

6.9. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong kỳ và kỳ trước được trình bày như sau:

	Khấu hao TSCĐ	Hàng tồn kho	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	(1.166.784.482)	-	(1.166.784.482)
Hạch toán vào KQKD năm trước	21.391.049	(215.025.528)	(193.634.479)
Số dư đầu năm nay	(1.145.393.433)	(215.025.528)	(1.360.418.961)
Hạch toán vào KQKD kỳ này	11.667.844	(6.600.622)	5.067.222
Số dư cuối kỳ	(1.133.725.588)	221.626.150)	(1.355.351.738)

Tài sản TNDN hoãn lại và Thuế TNDN hoãn lại phải trả được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản TNDN hoãn lại	1.355.351.738	1.360.418.961
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
Tổng cộng	1.355.351.738	1.360.418.961

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh bất động sản (bán căn hộ chung cư, văn phòng, cho thuê mặt bằng chung cư)
- Sản xuất chế biến lâm sản
- Dịch vụ giáo dục mầm non
- Dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng
- Dịch vụ môi giới bất động sản
- Mua bán vật liệu xây dựng
- Dịch vụ chung cư
- Hoạt động khác

ĐVT: triệu đồng

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2010

	Kinh doanh bất động sản	Sản xuất chế biến lâm sản	Giáo dục mầm non	Tư vấn thiết kế xây dựng	Môi giới bất động sản	Khác	Tổng cộng
Doanh thu							
Từ khách hàng bên ngoài	27.597	10.608	1.770	498	30	1.068	41.571
Tổng cộng	27.597	10.608	1.770	498	30	1.068	41.571
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả của bộ phận	24.854	626	494	185	30	166	26.355
Chi phí bán hàng	(6)	(499)	-	-	(64)	-	(569)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(3.586)	(1.499)	(562)	(343)	(158)	(134)	(6.282)
Thu nhập tài chính	-	-	-	-	-	5.352	5.352
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(2.266)	(2.266)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	3.481	3.481
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(2.945)	(2.945)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.262	(1.372)	(68)	(158)	(192)	3.654	23.126
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(5.787)
Thuế thu nhập hoãn lại							(9)
Lợi nhuận sau thuế							17.330
Lợi ích cổ đông thiểu số							(68)
Lợi nhuận thuần							17.262

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2011

	Kinh doanh bất động sản	Kinh doanh vật tư xây dựng	Tư vấn thiết kế xây dựng	Dịch vụ	Khác	Môi giới bất động sản	Giáo dục mầm non	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu									
Từ khách hàng bên ngoài	43.499	4.891	708	3.154	-	58	2.861	(2.642)	52.529
Giữa các bộ phận	1.126	845	8	270	-	498	-	-	2.747
Tổng cộng	44.625	5.736	716	3.424	-	556	2.861	(2.642)	55.276
Kết quả hoạt động KD									
Kết quả của bộ phận	13.645	(283)	(135)	361	(18)	186	569	20	14.347
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	13.645	(283)	(135)	361	(18)	186	569	20	14.347
Thu nhập tài chính	2.422	689	57	72	423	319	125	(55)	4.052
Chi phí tài chính	2.719	1	-	-	-	2	-	-	2.722
Thu nhập từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.352	101	-	108	104	123	85	5	3.879
Lợi nhuận sau thuế	9.996	304	(78)	325	302	380	609	(40)	11.797
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	137	(35)	-	148	-	-	(9)	241
Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	9.996	167	(43)	325	154	380	609	(31)	11.557
Các khoản mục bất thường	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	9.996	167	(43)	325	154	380	609	(31)	11.557

(Phần tiếp theo ở trang 30)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Sàn Giao Dịch BĐS Khánh Hội	Công ty con
3. Công ty Cổ phần TVTK Khánh Hội Căn Nhà Mơ Ước	Công ty con
4. Công ty TNHH DV Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội	Công ty con
5. Công ty TNHH Quản Lý Cao Ốc Khánh Hội	Công ty con
6. Công ty CP Dịch vụ Thương Mại Khánh Hội	Công ty con

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	357.000.000	262.000.000
Lương Ban điều hành	437.179.847	431.292.799
Tổng cộng	794.179.847	693.292.799

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 22 tháng 8 năm 2011.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH



NGÔ VĂN LỘC